

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xử lý
khẩn cấp sụt lún đường nội bộ Cảng cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ số: 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số: 2973/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xử lý khẩn cấp tình trạng sụt lún tuyến đường vào Cảng cá Lạch Bạng, huyện Tĩnh Gia; 4811/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xử lý khẩn cấp tình trạng sụt lún tuyến đường vào Cảng cá Lạch Bạng, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 2806/TTr-SGTVT ngày 28/5/2020; của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 66/TTr-SNN&PTNT ngày 07/5/2020 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Giao thông Vận tải tại Công văn số 2805/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/5/2020 và hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp sụt lún đường nội bộ Cảng cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp sụt lún đường nội bộ Cảng cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn.

2. Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa, khắc phục tình trạng sụt lún đường, cống ngầm đảm bảo an toàn cho người dân và phương tiện tham gia giao thông trong khu vực Cảng cá; khắc phục tình trạng ngập úng khu dân cư thôn Tiền Phong, phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty Cổ phần tư vấn Đại Thắng.

6. Chủ nhiệm dự án: Đinh Hoàng Tùng.

7. Địa điểm xây dựng: Phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn.

8. Diện tích sử dụng đất: Trong phạm vi đường cũ.

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Tuyến có chiều dài $L = 485\text{m}$, gồm: Làm lại hoàn toàn vỉa hè, lát gạch Block tự chèn; cắt bỏ nền đường nhựa cũ rộng 3m sau đó thảm lại; xử lý lại toàn bộ móng mặt đường hư hỏng, bị trôi có chiều rộng 3m; thay thế và dịch chuyển các ống cống bị hư hỏng.

10. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Thống nhất theo Báo cáo kết quả thẩm định tại Công văn số 2805/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/5/2019 của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Thanh Hóa.

11. Giải pháp thiết kế: Sửa lại nền mặt đường, vỉa hè và hệ thống thoát nước đường nội bộ Cảng cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn, tổng chiều dài $L = 320\text{m}$, trong đó: điểm đầu cọc 2 lý trình $\text{Km}0+060$, điểm cuối cọc 15 lý trình $\text{Km}0+380$; phạm vi sửa chữa: Bề rộng mặt đường $B_m = 3\text{m}$, bề rộng vỉa hè 3,67m, cụ thể:

a) Nền đường: Đào bỏ nền, mặt đường hư hỏng; hoàn trả lại nền bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

b) Kết cấu áo đường: Hoàn trả từ trên xuống như sau:

- Thảm bê tông nhựa hạt mịn (BTN C12,5) dày 5 cm.

- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m^2 .

- Thảm bê tông nhựa hạt trung (BTN C19) dày 7 cm.

- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m^2 .

- Móng cấp phối đá dăm loại I dày 12 cm.

- Móng cấp phối đá dăm loại II dày 24 cm.

- Lớp đất nền sát đáy kết cấu áo đường dày 50 cm đầm lèn chặt $K \geq 0,98$.

c) Công trình thoát nước: Giữ nguyên các hố ga hiện trạng; thay thế các ống cống thoát nước dọc tuyến bị hư hỏng, ống cống BTCT M300 đường kính

Φ180cm dày 15,5cm và ống thu nước Φ30cm dày 7cm; đế cống và đai ốp khớp nối ống cống bằng BTCT M300; khớp nối cống được chèn bằng bao tải tấm nhựa đường.

d) Vía hè: Toàn bộ phần gạch lát vỉa hè, bó vỉa bị hư hỏng được tháo dỡ và làm mới toàn bộ, lát lại bằng gạch block tự chèn, bó vỉa BTXM M200.

đ) Biện pháp thi công: Đào sửa chữa nền đường, vỉa hè và hệ thống thoát nước hư hỏng, sụt lún sâu trung bình 3,06m; phạm vi đào từ mép bó vỉa vào lòng đường 3m và vỉa hè; giữ thành hố móng bằng cừ lassen; hoàn trả hố móng bằng đất và kết cấu như giải pháp thiết kế; thay thế ống cống thống nhất theo hồ sơ trình thẩm định của Sở NN&PTNT tận dụng 50% (thay thế mới 80 ống cống Φ180cm và 39 ống cống Φ30cm loại dài 2m); bổ sung mới 160 đế cống Φ180cm và 79 đế cống Φ30cm; chiều sâu đào hố móng, số lượng thay thế mới ống cống Chủ đầu tư căn cứ thực tế hư hỏng hiện trường để quyết định.

12. Tổng mức đầu tư: 6.363.336.000 đồng (*sáu tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	5.390.424.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	143.875.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	424.087.000	đồng.
- Chi phí khác:	101.934.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	303.016.000	đồng.

(Chi tiết có Phụ biểu kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

14. Số bước thiết kế: 01 bước (bản vẽ thi công).

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: không.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Giao thông Vận tải tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2805/SGTVT-TĐKHKT ngày 28/5/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải; Giám đốc Kho

bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NN. (312.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Công trình Xử lý khẩn cấp sụt lún đường nội bộ
Cảng cá Lạch Bạng, thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng.

Số TT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	4.900.385.455	490.038.545	5.390.424.000
II	Chi phí quản lý dự án	143.875.317		143.875.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	399.802.551	24.284.321	424.087.000
1	Chi phí khảo sát địa chất	33.196.488	3.319.649	36.516.137
2	Chi phí khảo sát địa hình	25.817.527	2.581.753	28.399.280
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	1.770.420	177.042	1.947.463
4	Chi phí giám sát khảo sát	2.403.051	240.305	2.643.356
5	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	157.500.000	15.750.000	173.250.000
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	16.955.334	1.695.533	18.650.867
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	156.959.346		156.959.346
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	2.450.193	245.019	2.695.212
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	2.450.193	245.019	2.695.212
10	Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	300.000	30.000	330.000
IV	Chi phí khác	98.741.605	3.192.561	101.934.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	21.561.696	2.156.170	23.717.866
2	Phí thẩm định báo cáo KTKT	1.273.000	127.300	1.400.300
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	56.816.000		56.816.000
4	Chi phí kiểm tra và nghiệm thu công trình của cơ quan QLNN	10.000.000		10.000.000
5	Chi phí thẩm định giá	9.090.909	909.091	10.000.000
V	Chi phí dự phòng	303.016.000		303.016.000
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)	5.845.820.928	517.515.427	6.363.336.354
	Làm tròn			6.363.336.000